

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017
và kết thúc vào ngày 30/06/2017

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 46



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 42/1999/QĐ-BCN ngày 16/07/1999 của Bộ Công Nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 ngày 16/07/1999 do Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh lần lượt chứng nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 055975 ngày 25/09/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 10 số 5700289499 ngày 13/10/2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần thay đổi lần 10 ngày 13/10/2014, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 VND được chia thành 16.000.000 cổ phần. Cụ thể như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	10.459.404	65,37%
2	Các đối tượng khác	5.540.596	34,63%
Cộng		16.000.000	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Hoàng Minh Hiếu	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Xuân Lập	Ủy viên - Giám đốc
- Ông Phạm Cao Nghĩa	Ủy viên
- Ông Vũ Trọng Tuấn	Ủy viên
- Ông Nguyễn Trọng Tấn	Ủy viên

Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Xuân Lập	Giám đốc
- Ông Nguyễn Hoà	Phó Giám đốc (Từ ngày 26/04/2017) (i)
- Ông Đỗ Văn Kiên	Phó Giám đốc (Từ ngày 06/06/2017) (ii)
- Ông Vũ Trọng Tuấn	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Văn Huy	Phó Giám đốc
- Ông Đặng Xuân Vượng	Phó Giám đốc

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- (i) Ông Nguyễn Hòa giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 01/05/2017 theo Nghị quyết số 62/NQ-HĐQT ngày 26/04/2017 và Quyết định số 66/QĐ-HĐQT ngày 26/04/2017.
- (ii) Ông Đỗ Văn Kiên giữ chức vụ Phó Giám đốc từ ngày 06/06/2017 theo Nghị quyết số 78/NQ-HĐQT ngày 06/06/2017 và Quyết định số 81/QĐ-HĐQT ngày 06/06/2017.

Ban Kiểm soát:

Họ và tên:

Chức vụ:

- Ông Phạm Xuân Vinh Trưởng ban
- Ông Dương Thu Phong Thành viên
- Ông Nguyễn Huy Hoàng Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30/06/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Xuân Lập

Số: 09 /2017/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc****Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin được lập ngày 10/08/2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 7 đến trang 46 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hồng Quang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0576-2015-242-1



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		221.882.467.809	59.653.090.667
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		286.265.978	354.664.996
Tiền	111	5.1	286.265.978	354.664.996
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		104.355.633.401	1.890.186.094
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	101.426.659.795	9.600.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.657.357.569	1.631.660.346
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	271.616.037	248.925.748
Hàng tồn kho	140	5.5	113.200.308.286	32.434.442.757
Hàng tồn kho	141		113.200.308.286	32.434.442.757
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.040.260.144	24.973.796.820
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	943.916.114	8.122.758.614
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	13.666.073.641
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.12	3.096.344.030	3.184.964.565
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.452.841.647.472	1.463.472.937.051
Các khoản phải thu dài hạn	210		26.534.834.001	23.976.087.569
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	26.534.834.001	23.976.087.569
Tài sản cố định	220		1.086.464.226.453	1.170.529.213.520
TSCĐ hữu hình	221	5.7	1.084.578.916.932	1.168.559.900.942
- Nguyên giá	222		2.350.736.743.187	2.373.401.731.899
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.266.157.826.255)	(1.204.841.830.957)
TSCĐ vô hình	227	5.8	1.885.309.521	1.969.312.578
- Nguyên giá	228		3.955.689.188	4.012.689.188
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2.070.379.667)	(2.043.376.610)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		5.431.783.214	1.173.525.729
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	5.431.783.214	1.173.525.729
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	9.067.141.030	9.067.141.030
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.799.000.000	21.799.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		(12.731.858.970)	(12.731.858.970)
Tài sản dài hạn khác	260		325.343.662.774	258.726.969.203
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	292.141.207.487	218.465.323.724
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.15	33.202.455.287	40.261.645.479
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.674.724.115.281	1.523.126.027.718

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.394.856.981.772	1.271.390.755.022
Nợ ngắn hạn	310		744.499.503.638	506.061.630.732
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	169.144.772.064	142.997.029.843
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	23.256.567.174
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	10.335.090.870	14.388.335.825
Phải trả người lao động	314		10.478.999.053	17.669.904.493
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.13	3.577.002.954	316.346.334
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	438.464.799	383.253.258
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.10	269.810.327.248	306.340.378.002
Dự phòng phải trả ngắn hạn (*)	321	5.16	284.166.150.847	-
Quý khen thưởng, phúc lợi	322		(3.451.304.197)	709.815.803
Nợ dài hạn	330		650.357.478.134	765.329.124.290
Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.13	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.10	650.357.478.134	765.329.124.290
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		279.867.133.509	251.735.272.696
Vốn chủ sở hữu	410	5.17	279.867.133.509	251.735.272.696
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(130.000.000)	(130.000.000)
Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.416.985.238	27.416.985.238
Quỹ đầu tư phát triển	418		44.783.373.846	44.783.373.846
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.796.774.425	19.664.913.612
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.664.913.612	(69.996.055.251)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.131.860.813	89.660.968.863
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.674.724.115.281	1.523.126.027.718

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH VĂN CHIẾN

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN LẬP

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	1.161.920.991.168	1.143.283.321.049
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10		1.161.920.991.168	1.143.283.321.049
Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.013.943.260.061	1.003.586.997.239
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		147.977.731.107	139.696.323.810
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	31.109.080	20.339.972
Chi phí tài chính	22	6.4	44.701.853.509	55.210.631.110
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.701.853.509	51.378.262.468
Chi phí bán hàng	25	6.7	778.066.540	917.570.871
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	69.239.958.388	82.569.512.270
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.288.961.750	1.018.949.531
Thu nhập khác	31	6.5	2.008.790.364	9.554.914.906
Chi phí khác	32	6.6	106.701.109	5.518.876.044
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.902.089.255	4.036.038.862
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.191.051.005	5.054.988.393
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	1.000.765.236
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	5.15	7.059.190.192	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		28.131.860.813	4.054.223.157
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.758	253

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC





VŨ THỊ HẢI

ĐINH VĂN CHIẾN

NGUYỄN XUÂN LẬP

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		35.191.051.005	5.054.988.393
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		87.138.051.724	121.878.687.412
Các khoản dự phòng	03		284.166.150.847	210.729.069.259
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(31.109.080)	181.812.126
Chi phí lãi vay	06		44.701.853.509	51.378.262.468
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		451.165.998.005	389.222.819.658
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		259.912.878.641	188.434.850.894
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10		(80.765.865.529)	(129.470.029.675)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11		(361.258.222.876)	(84.945.018.234)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		(66.497.041.263)	(51.782.879.406)
Tiền lãi vay đã trả	14		(44.701.853.509)	(49.052.440.550)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(30.402.576.579)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		228.000.000	42.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.608.640.000)	(4.139.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		154.475.253.469	227.907.026.108
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(3.073.064.657)	(44.126.832.988)
Thu lãi liên cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.109.080	20.339.972
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.041.955.577)	(44.106.493.016)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	248.626.224.602	300.578.212.306
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(400.127.921.512)	(484.337.345.359)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(151.501.696.910)	(183.759.133.053)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(68.399.018)	41.400.039
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		354.664.996	112.407.189
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		286.265.978	153.807.228

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC

VŨ THỊ HÀI

ĐINH VĂN CHIẾN

NGUYỄN XUÂN LẬP



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin tiền thân là Xí nghiệp Than Cẩm Phả thuộc Công ty Than Quảng Ninh, được cổ phần hóa theo Quyết định số 42/1999/QĐ - BCN ngày 16/07/1999 của Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 055975 ngày 16/07/1999 do Bộ Công nghiệp cấp. Trong quá trình hoạt động các nội dung thay đổi về cổ đông sáng lập, người đại diện pháp luật của công ty, số đăng ký kinh doanh đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần đăng ký lần đầu số 055975 ngày 25/09/2009, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 10 số 5700289499 ngày 13/10/2014.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Sửa chữa thiết bị điện tử, quang học;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Sửa chữa thiết bị khác.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động chính của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh than. Ngoài ra, Công ty không có hoạt động đáng kể nào ngoài chức năng kinh doanh đã được đăng ký.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Đến ngày 30/06/2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 1.338 người, trong đó số cán bộ quản lý là 216 người.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh

03134
CÔNG
NICH NH
P
VIỆT
H XUA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm áp dụng thống nhất trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam được thực hiện theo Công văn số 3227/TKV-KTTC ngày 07/07/2017 của Tập đoàn cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.700 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.770 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính theo chuẩn mực kế toán số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái".

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

10640-
CÔNG TY
HỮU
KH
NAM
N.T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|--|
| - Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Nhập trước xuất trước |
| - Thành phẩm tồn kho và chi phí SXKD dở dang than | Giá trị được xác định theo Quyết định số 2917/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2006 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.6.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|------------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc: | 05 - 25 năm |
| - Máy móc thiết bị: | 03 - 08 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn: | 06 - 08 năm |
| - Thiết bị văn phòng: | 03 - 07 năm |

4.6.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài Công ty không trích khấu hao. Việc tính khấu hao của tài sản cố định vô hình phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 03 năm
- Vô hình khác: 12 - 20 năm
- Quyền sử dụng đất: Không trích khấu hao

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là Tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 01 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phân ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm phí cấp quyền khai thác khoáng sản, phí sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, giá trị của các phụ tùng, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng). Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

44004
CÔNG T
VHIỆM H
PKF
T N
IÂN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phản chênh lệch tương ứng.

4.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Công ty hoạt động theo Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 09 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 19/05/2014 với mã số doanh nghiệp là 5700289499, vốn điều lệ của Công ty là 160.000.000.000 đồng và được chia thành 16.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	104.594.040.000	104.594.040.000	100%
Các cổ đông khác	55.405.960.000	55.405.960.000	100%
Cộng	160.000.000.000	160.000.000.000	100%

4.14. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.15. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm kỳ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.16. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, Công ty áp dụng mức thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.17. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

4.18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ tài chính.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

31344
CÔNG
TỔC NH
PH
VIỆT
Y XUA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		<u>30/06/2017</u> (VND)	<u>01/01/2017</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	6.488.285	21.850.959
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	279.777.693	332.814.037
Cộng		<u>286.265.978</u>	<u>354.664.996</u>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2017 bao gồm:			
		<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ			-
Đồng Việt Nam			<u>6.488.285</u>
Cộng			<u>6.488.285</u>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2017 bao gồm:			
		<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam			279.777.693
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Cẩm Phả			76.558.597
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Cẩm Phả			148.754.445
Ngân hàng Quốc tế - CN Cẩm Phả			6.006.238
Ngân hàng Đầu tư và phát triển VN - CN Cẩm Phả			6.570.185
Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội - CN Cẩm Phả			27.884.513
Ngân hàng Á Châu - CN Cẩm Phả			1.333.853
Ngân hàng TMCP Petrolimex - CN Cẩm Phả			12.669.862
Ngoại tệ			-
Tổng cộng			<u>279.777.693</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý
	Dự phòng	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Công ty CP Nhiệt Điện Cẩm Phả - TKV	21.799.000.000	21.799.000.000
	9.067.141.030	9.067.141.030
Tổng cộng	21.799.000.000	21.799.000.000
	9.067.141.030	9.067.141.030
	(12.731.858.970)	(12.731.858.970)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a. Phải thu khách hàng	101.426.659.795	9.600.000
Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	101.336.982.562	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	89.677.233	9.600.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	101.426.659.795	9.600.000
c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan: BIỂU SỐ 3		

5.4 Phải thu khác

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	271.616.037	-	248.925.748	-
BHYT, BHXH	59.926.236	-	48.143.846	-
Phải thu khác	211.689.801	-	200.781.902	-
b. Dài hạn	26.534.834.001	-	23.976.087.569	-
Ký quỹ bảo vệ môi trường	25.430.526.800	-	22.871.780.368	-
Lãi ký quỹ BVMT	1.104.307.201	-	1.104.307.201	-
Cộng	26.806.450.038	-	24.225.013.317	-

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	53.967.287	-	906.057.210	-
Công cụ, dụng cụ	11.997.601.311	-	7.454.902.640	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	75.285.455.195	-	6.792.801.444	-
Thành phẩm	25.863.284.493	-	17.280.681.463	-
Cộng	113.200.308.286	-	32.434.442.757	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.431.783.214	-	1.173.525.729	-
Xây dựng cơ bản	1.798.670.214	-	1.173.525.729	-
- Dự án khai thác lộ thiên mỏ Khe Châm II	1.056.709.032	-	1.173.525.729	-
- Dự án đầu tư khai thác lộ thiên mỏ Đông Lộ Trí	741.961.182	-	-	-
Sửa chữa	3.633.113.000	-	-	-
Cộng	5.431.783.214	-	1.173.525.729	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THẠM - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THẠM TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	666.204.896.519	642.148.742.874	1.056.909.590.982	8.138.501.524	2.373.401.731.899
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.073.064.657	-	-	-	3.073.064.657
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(25.657.349.369)	(80.704.000)	(25.738.053.369)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	669.277.961.176	642.148.742.874	1.031.252.241.613	8.057.797.524	2.350.736.743.187
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	95.163.836.784	377.869.352.401	730.375.845.356	1.432.796.416	1.204.841.830.957
- Khấu hao trong kỳ	37.184.902.603	22.264.003.631	27.002.690.054	602.452.379	87.054.048.667
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(25.657.349.369)	(80.704.000)	(25.738.053.369)
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	132.348.739.387	400.133.356.032	731.721.186.041	1.954.544.795	1.266.157.826.255
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	571.041.059.735	264.279.390.473	326.533.745.626	6.705.705.108	1.168.559.900.942
Tại ngày cuối kỳ	536.929.221.789	242.015.386.842	299.531.055.572	6.103.252.729	1.084.578.916.932
- Giá trị còn lại tài sản cầm cố thế chấp:					482.590.478.082
- Nguyên giá đã khấu hao hết, đang sử dụng:					882.591.400.053
- Nguyên giá tài sản chờ thanh lý:					-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.8 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	1.732.800.000	558.358.595	1.721.530.593	4.012.689.188
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(57.000.000)	-	(57.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.732.800.000	501.358.595	1.721.530.593	3.955.689.188
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	-	372.746.418	1.670.630.192	2.043.376.610
- Khấu hao trong kỳ	-	66.732.832	15.270.225	84.003.057
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(57.000.000)	-	(57.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	384.479.250	1.685.900.417	2.070.379.667
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	1.732.800.000	185.612.177	60.900.401	1.969.312.578
Tại ngày cuối kỳ	1.732.800.000	116.879.345	35.630.176	1.885.309.521

5.9 Chi phí trả trước

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a. Ngắn hạn	943.916.114	8.122.758.614
Chi phí sửa chữa lớn	510.171.547	6.940.079.308
Công cụ, dụng cụ	158.946.570	593.086.524
Bảo hiểm	274.797.997	589.592.782
b. Dài hạn	292.141.207.487	218.465.323.724
Phí bảo hiểm cơ giới	5.548.760	33.081.875
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	235.226.783.952	163.930.091.664
Chi phí sửa chữa lớn phân bổ	48.402.492.688	45.176.405.855
Phí sử dụng số liệu thông tin về kết quả thăm dò khoáng sản của nhà nước	8.496.351.236	9.308.342.486
Chi phí trả trước dài hạn khác	10.030.851	17.401.844
Cộng	293.085.123.601	226.588.082.338

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.10 Vay và nợ thuế tài chính

	01/01/2017 (VND)		30/06/2017 (VND)			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Gốc vay ngắn hạn	144.522.394.078	144.522.394.078	248.626.224.602	238.305.937.588	154.842.681.092	154.842.681.092
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả	103.378.952.489	103.378.952.489	199.596.958.728	180.796.512.999	122.169.398.218	122.169.398.218
NH TMCP Sài Gòn - Hà Nội	41.143.441.589	41.143.441.589	40.573.282.874	49.043.441.589	32.673.282.874	32.673.282.874
NH TMCP BIDV - CN Cẩm Phả	-	-	8.465.983.000	8.465.983.000	-	-
b. Gốc vay dài hạn	927.147.108.214	927.147.108.214	-	161.821.983.924	765.325.124.290	765.325.124.290
Từ 1 đến 5 năm	118.357.347.317	118.357.347.317	-	17.883.090.900	100.474.256.417	100.474.256.417
NH TMCP BIDV - CN Cẩm Phả	9.400.000.000	9.400.000.000	-	6.600.000.000	2.800.000.000	2.800.000.000
Tập đoàn Công nghiệp Than - KS VN	60.000.000.000	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000	60.000.000.000
NH TMCP Quốc tế - CN Cẩm Phả	48.957.347.317	48.957.347.317	-	11.283.090.900	37.674.256.417	37.674.256.417
Từ trên 5 năm đến 10 năm	808.789.760.897	808.789.760.897	-	143.938.893.024	664.850.867.873	664.850.867.873
NH TMCP Á Châu (CN Đồng Đới)	67.988.807.282	67.988.807.282	-	9.712.691.334	58.276.115.948	58.276.115.948
NH TMCP BIDV - CN Cẩm Phả	82.135.799.594	82.135.799.594	-	21.000.000.000	61.135.799.594	61.135.799.594
NH TMCP Ngoại thương - CN Cẩm Phả	534.314.959.240	534.314.959.240	-	70.660.000.000	463.654.959.240	463.654.959.240
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	10.525.451.091	10.525.451.091	-	712.458.000	9.812.993.091	9.812.993.091
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả	113.824.743.690	113.824.743.690	-	41.853.743.690	71.971.000.000	71.971.000.000
Cộng	1.071.669.502.292	1.071.669.502.292	248.626.224.602	400.127.921.512	920.167.805.382	920.167.805.382

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.10 Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

c. Phân loại vay dài hạn đến hạn trả

	01/01/2017		30/06/2017	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
	(VND)	(VND)	(VND)	(VND)
NH TMCP BIDV - CN Cẩm Phả	27.600.000.000	27.600.000.000	16.800.000.000	16.800.000.000
NH TMCP Công thương - CN Cẩm Phả	41.849.743.690	41.849.743.690	7.298.000.000	7.298.000.000
NH TMCP Quốc tế - CN Cẩm Phả	11.283.090.900	11.283.090.900	7.522.060.600	7.522.060.600
NH TMCP Ngoại thương - CN Cẩm Phả	70.660.000.000	70.660.000.000	76.160.000.000	76.160.000.000
NH TMCP Á Châu (CN Đông Đô)	9.712.691.334	9.712.691.334	6.475.127.556	6.475.127.556
NH TMCP Xăng dầu Petrolimex	712.458.000	712.458.000	712.458.000	712.458.000
Cộng	161.817.983.924	161.817.983.924	114.967.646.156	114.967.646.156
d. Số dư tại thời điểm lập báo cáo tài chính	1.071.669.502.292	1.071.669.502.292	920.167.805.382	920.167.805.382
d1 Vay và nợ ngắn hạn (d1 = a+c)	306.340.378.002	306.340.378.002	269.810.327.248	269.810.327.248
d2 Vay và nợ dài hạn (d2 = b-c)	765.329.124.290	765.329.124.290	650.357.478.134	650.357.478.134

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2017 (VND)		01/01/2017 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	169.144.772.064	169.144.772.064	142.997.029.843	142.997.029.843
CN. Công ty CP vật tư - TKV- XN vật tư Cẩm Phả	40.840.890.698	40.840.890.698	46.609.219.118	46.609.219.118
Công ty TNHH 1TV Môi trường - TKV	783.640.714	783.640.714	8.162.289.333	8.162.289.333
Công ty CP CN ô tô - Vinacomin	13.304.759.304	13.304.759.304	13.814.303.905	13.814.303.905
Cty CP Xuất nhập khẩu Than - VINACOMIN	14.181.590.500	14.181.590.500	991.023.000	991.023.000
Cty CP Kim khí Thành Đô	10.888.735.044	10.888.735.044	4.313.819.881	4.313.819.881
Phải trả các đối tượng khác	89.145.155.804	89.145.155.804	69.106.374.606	69.106.374.606
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	169.144.772.064	169.144.772.064	142.997.029.843	142.997.029.843

c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán

d. Phải trả người bán là các bên liên quan: BIỂU SỐ 3

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2017 (VND)
a. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	9.944.164.070	52.657.051.698	57.696.049.934	4.905.165.834
Thuế tài nguyên	3.961.948.755	143.874.253.052	143.141.835.771	4.694.366.036
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	482.223.000	102.452.134.247	102.198.798.247	735.559.000
Cộng	14.388.335.825	298.986.438.997	303.039.683.952	10.335.090.870
b. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.126.093.077	-	-	2.126.093.077
Thuế nhà đất tiền thuế đất	9.637.273	6.764.607.848	6.754.970.575	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.049.234.215	78.983.262	-	970.250.953
Cộng	3.184.964.565	6.843.591.110	6.754.970.575	3.096.344.030

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.13 Chi phí phải trả

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a. Ngắn hạn	3.577.002.954	316.346.334
Quyền sử dụng nhãn hiệu "Vinacomin"	3.422.913.238	-
Phụ cấp HĐQT và Ban kiểm soát	108.585.000	25.750.000
Chi phí kiểm toán ĐTXDCB	2.151.196	241.096.334
Chi thường sáng kiến	-	49.500.000
Chi phí sửa chữa lớn	43.353.520	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	3.577.002.954	316.346.334

5.14 Phải trả khác

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a. Ngắn hạn	438.464.799	383.253.258
Kinh phí công đoàn	225.364.442	142.815.401
Kinh phí Đảng	203.100.357	150.437.857
Các khoản phải trả phải nộp khác	10.000.000	90.000.000
b. Dài hạn	-	-
Cộng	438.464.799	383.253.258
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-

5.15 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
<i>Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.202.455.287	40.261.645.479

5.16 Dự phòng phải trả

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
a. Ngắn hạn	284.166.150.847	-
Trích trước chi phí bóc đất	250.637.770.732	-
Trích trước tỷ lệ đất đá phải nổ mìn	11.407.180.439	-
Trích trước chi phí sửa chữa lớn	22.121.199.676	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	284.166.150.847	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

5.17 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ ĐT PT	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	(69.996.055.251)	162.074.303.833	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	89.660.968.863	89.660.968.863	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	19.664.913.612	251.735.272.696	
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	28.131.860.813	28.131.860.813	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ này	160.000.000.000	(130.000.000)	27.416.985.238	44.783.373.846	47.796.774.425	279.867.133.509	

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Vốn góp của Nhà nước	104.594.040.000	104.594.040.000
Vốn góp của các Cổ đông	55.405.960.000	55.405.960.000
Vốn khác của chủ sở hữu	27.416.985.238	27.416.985.238
Cộng	187.416.985.238	187.416.985.238

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu tư đầu kỳ	160.000.000.000	160.000.000.000
Vốn đầu tư tăng trong kỳ	-	-
Vốn đầu tư giảm trong kỳ	-	-
Vốn đầu tư cuối kỳ	160.000.000.000	160.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Năm 2016 (VND)
Số lượng CP đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND	

Các quỹ của Công ty

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	44.783.373.846	44.783.373.846
Cộng	44.783.373.846	44.783.373.846

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.18 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

	30/06/2017 (VND)	01/01/2017 (VND)
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn từ trên 1 năm đến 5 năm	34.829.982.000	34.829.982.000
Cộng	34.829.982.000	34.829.982.000

Giá trị của 02 máy gạt thủy lực bánh xích theo hợp đồng số 88/HĐKT-TNĐM ngày 25/07/2013 giữa Công ty Cổ phần Than Tây Nam Đá Mài - Vinacomin và Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kim khí Thành Đô nội dung như sau: Thời gian thuê 60 tháng kể từ ngày bàn giao đưa thiết bị vào sử dụng, tổng giá trị tài sản thuê là 34.829.982.000 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.161.920.991.168	1.143.283.321.049
Doanh thu bán hàng	1.157.060.142.912	1.140.971.079.483
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.860.848.256	2.312.241.566

6.2 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Giá vốn thành phẩm đã bán	1.008.233.097.441	1.001.513.740.673
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	5.710.162.620	2.073.256.566
Cộng	1.013.943.260.061	1.003.586.997.239

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.109.080	20.339.972
Cộng	31.109.080	20.339.972

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lãi tiền vay	44.701.853.509	51.378.262.468
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác		3.832.368.642
Cộng	44.701.853.509	55.210.631.110

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.5 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ	789.128.638	-
Tiền thu từ bồi thường	147.460.000	-
Thu hồi tiền lương chênh lệch từ 2009, 2010	-	8.962.789.000
Thu khác	1.072.201.726	592.125.906
Cộng	2.008.790.364	9.554.914.906

6.6 Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	202.152.098
Phí sử dụng tài liệu địa chất khoáng sản từ năm 2015 trở về trước	-	5.265.561.735
Tiền phạt nộp chậm thuế	92.449.959	-
Các khoản khác	14.251.150	51.162.211
Cộng	106.701.109	5.518.876.044

6.7 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	69.239.958.388	82.569.512.270
Chi phí nhân viên quản lý	11.527.647.520	12.743.072.850
Các quỹ phải nộp tập đoàn	32.397.684.002	43.431.860.066
Các khoản khác	25.314.626.866	26.394.579.354
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	778.066.540	917.570.871
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.875.779	293.245.795
Các khoản chi phí bán hàng khác	583.190.761	624.325.076
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	70.018.024.928	83.487.083.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	1.205.860.113.114	1.274.236.841.547
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	315.942.100.700	313.982.796.421
Chi phí nhân công	72.271.164.824	77.503.910.194
Chi phí khấu hao TSCĐ	87.138.051.724	121.878.687.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.519.607.649	283.998.216.095
Chi phí khác bằng tiền	566.989.188.217	476.873.231.425
b. Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	1.205.860.113.114	1.274.236.841.547

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Thu nhập chịu thuế TNDN trong kỳ	1.163.960.890.612	1.152.858.575.927
Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	1.128.769.839.607	1.147.803.587.534
Chi phí không hợp lý để tính thuế TNDN	104.899.959	51.162.211
Lợi nhuận chịu thuế TNDN	35.295.950.964	5.054.988.393
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	7.059.190.192	1.000.765.236
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay	(7.059.190.192)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.000.765.236

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	28.131.860.813	4.054.223.157
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	28.131.860.813	4.054.223.157
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	16.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.758	253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	248.626.224.602
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác	-

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	400.127.921.512
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	-

8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không đầu tư cổ phiếu nên không có rủi ro về giá cổ phiếu.

(ii) **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Tổng cộng</u>
Ngày 30/06/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	286.265.978	-	286.265.978
Phải thu khách hàng	101.426.659.795	-	101.426.659.795
Đầu tư	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Phải thu khác	6.025.317.636	26.534.834.001	32.560.151.637
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(12.731.858.970)	(12.731.858.970)
Tổng cộng	107.738.243.409	35.601.975.031	143.340.218.440
Ngày 30/06/2017			
Các khoản vay và nợ	269.610.327.248	650.357.478.134	920.167.805.382
Phải trả người bán	169.144.772.064	-	169.144.772.064
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	308.995.708.523	-	308.995.708.523
Tổng cộng	747.950.807.835	650.357.478.134	1.398.308.285.969
Chênh lệch thanh khoản thuần	(640.212.564.426)	(614.755.503.103)	(1.254.968.067.529)
Ngày 01/01/2017			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.095.889.296	33.043.228.599	52.139.117.895
Phải thu khách hàng	354.664.996	-	354.664.996
Đầu tư	9.600.000	-	9.600.000
Phải thu khác	-	21.799.000.000	21.799.000.000
Tài sản tài chính khác	18.731.624.300	23.976.087.569	42.707.711.869
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT	-	(12.731.858.970)	(12.731.858.970)
Tổng cộng	19.095.889.296	33.043.228.599	52.139.117.895
Ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	306.340.378.002	765.329.124.290	1.071.669.502.292
Phải trả người bán	142.997.029.843	-	142.997.029.843
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	56.014.407.084	-	56.014.407.084
Tổng cộng	505.351.814.929	765.329.124.290	1.270.680.939.219
Chênh lệch thanh khoản thuần	(486.255.925.633)	(732.285.895.691)	(1.218.541.821.324)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	133.986.811.432	42.737.452.825	133.986.811.432	42.737.452.825
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	21.799.000.000	21.799.000.000	21.799.000.000	9.067.141.030
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	286.265.978	354.664.996	286.265.978	354.664.996
Tổng cộng	156.072.077.410	64.891.117.821	156.072.077.410	52.159.258.851
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính				
<i>Vay và nợ</i>	920.167.805.382	1.071.669.502.292	920.167.805.382	1.071.669.502.292
<i>Phải trả người bán</i>	169.144.772.064	142.997.029.843	169.144.772.064	142.997.029.843
<i>Phải trả khác</i>	308.995.708.523	56.014.407.084	308.995.708.523	56.014.407.084
Tổng cộng	1.398.308.285.969	1.270.680.939.219	1.398.308.285.969	1.270.680.939.219

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

8.2 Báo cáo bộ phận

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu là sản xuất và kinh doanh than (chiếm 99% doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của kỳ tài chính), do đó không trình bày báo cáo bộ phận.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ phát sinh tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017, các bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Tên	Địa chỉ	Quan hệ	
		Diễn giải	% Sở hữu
Ông Hoàng Minh Hiếu	Hà Nội	Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Xuân Lập	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	
Ông Phạm Cao Nghĩa	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	
Ông Vũ Trọng Tuấn	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc	0,077%
Ông Nguyễn Trọng Tấn	Quảng Ninh	Ủy viên HĐQT	0,191%
Ông Nguyễn Hoà	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	-
Ông Đỗ Văn Kiên	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	-
Ông Vũ Văn Huy	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	-
Ông Đặng Xuân Vượng	Quảng Ninh	Phó Giám đốc	-
Ông Phạm Xuân Vinh	Hà Nội	Trưởng Ban kiểm soát	-
Ông Nguyễn Quang Quảng	Hà Nội	TV Ban kiểm soát	-
Ông Nguyễn Huy Hoàng	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	-
Dương Thu Phong	Quảng Ninh	TV Ban kiểm soát	-
Cty CN hoá chất Mỏ Quảng Ninh	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Cty CP vật tư - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần Giám định - VINACOMIN	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Cty Than Cao Sơn - VINACOMIN	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Cty CP du lịch & thương mại Vinacomín	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Cty CP XNK Than - VINACOMIN	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN**

Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Cty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Cty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Cty CP kinh doanh Than Cẩm Phả	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Bệnh viện Than - Khoáng sản	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Cty CP tin học công nghệ môi trường - VINACOMIN	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP Cơ khí Hòn Gai - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tạp chí Than Khoáng Sản Việt Nam	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Viện khoa học công nghệ mỏ - vinacomin	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Công ty Than Hạ Long - TKV	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP - Chi nhánh Đá quý Việt Nhật - Vimico	Hà Nội	Cùng tập đoàn	-
Công ty cổ phần kinh doanh Than Cẩm Phả - Vinacomin	Quảng Ninh	Cùng tập đoàn	-
Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	Hà Nội	Công ty mẹ	65,37%

Thu nhập trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	484.090.909	753.000.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	135.960.000	142.480.000
Thù lao của Ban Kiểm Soát	78.840.000	78.000.000
Cộng	698.890.909	973.480.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 và các giao dịch với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Biểu số 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua nội bộ tập đoàn
- Biểu số 02: Báo cáo Than bán nội bộ tập đoàn.
- Biểu số 03: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả trong nội bộ Tập đoàn.

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Đến ngày lập báo cáo giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

8.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc vào ngày 30/06/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

VŨ THỊ HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

ĐINH VĂN CHIẾN

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN LẬP

TỔNG HỢP MUA VẬT TƯ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị
	Tổng mua	297.697.245.689
1	Cty CN hoá chất Mỏ Quảng Ninh	56.007.226.051
	Dịch vụ	56.007.226.051
2	CN.Cty CP vật tư - TKV. XN vật tư Cẩm Phả	174.336.716.298
	Vật tư	174.336.716.298
3	Công ty cổ phần Giám định - VINACOMIN	515.495.761
	Dịch vụ	515.495.761
4	Cty CP XNK Than - VINACOMIN	35.275.684.000
	Vật tư	35.275.684.000
5	Cty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	5.654.213.575
	Dịch vụ	5.654.213.575
6	Cty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomin	18.409.195.756
	Vật tư	1.610.424.000
	Dịch vụ	16.798.771.756
7	Cty CP kinh doanh Than Cẩm Phả	108.492.787
	Dịch vụ	108.492.787
8	Bệnh viện Than - Khoáng sản	439.339.000
	Dịch vụ	439.339.000
9	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	768.275.540
	Dịch vụ	768.275.540
10	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	208.020.000
	Vật tư	208.020.000
11	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - vinacomin	742.540.273
	Dịch vụ	742.540.273
12	Công ty CP chế tạo máy - Vinacomin	5.065.424.148
	Vật tư	270.673.575
	Dịch vụ	4.794.750.573
13	Trường cao đẳng nghề Than - Khoáng sản Việt Nam	147.000.000
	Dịch vụ	147.000.000
14	Công ty cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin	19.622.500
	Dịch vụ	19.622.500

NGƯỜI LẬP

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017





NGUYỄN HUYỀN TRANG

ĐINH VĂN CHIẾN

NGUYỄN XUÂN LẬP

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
 CÔNG TY CỔ PHẦN THAN TÂY NAM ĐÁ MÀI - VINACOMIN
 Địa chỉ: Phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

BẢNG KÊ THAN BÁN NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

TT	Tên đơn vị mua	Doanh thu	
		Số lượng (tấn)	Giá trị VNĐ
A	B		
1	Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	754.295,07	1.157.060.142.912
	Tổng cộng		1.157.060.142.912

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 08 năm 2017

NGƯỜI LẬP



VŨ THỊ HẢI

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐINH VĂN CHIÊN



NGUYỄN XUÂN LẬP

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ TRONG NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017

Đơn vị: VND

TT	TÊN ĐƠN VỊ	Các khoản công nợ				
		131	228	331	335	341
A	PHẢI THU	101.407.459.795	-	2.331.883.739	-	-
I	NGÂN HẠN	101.407.459.795	-	2.331.883.739	-	-
1	Công ty kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomín	101.336.982.562	-	-	-	-
2	Công ty Than Hạ Long - TKV	70.477.233	-	-	-	-
3	Cty CN hoá chất Mỏ Quảng Ninh	-	-	1.037.347.208	-	-
4	Công ty Cổ phần Địa chất mỏ - TKV	-	-	99.330.831	-	-
5	Công ty CP tư vấn đầu tư mỏ và công nghiệp - vinacomín	-	-	395.205.700	-	-
II	DAI HẠN	-	-	-	-	-
B	ĐẦU TƯ	-	21.799.000.000	-	-	-
I	NGÂN HẠN	-	-	-	-	-
II	DAI HẠN	-	21.799.000.000	-	-	-
	Công ty Cổ phần nhiệt điện Cẩm Phả TKV	-	21.799.000.000	-	-	-
C	PHẢI TRẢ	-	-	75.710.205.024	3.422.913.238	60.000.000.000
I	NGÂN HẠN	-	-	75.710.205.024	3.422.913.238	-
1	CN.Cty CP vật tư - TKV, XN vật tư Cẩm Phả	-	-	40.840.890.698	-	-
2	Công ty cổ phần Giám định - VINACOMIN	-	-	73.613.111	-	-
3	Cty CP XNK Than - VINACOMIN	-	-	14.181.590.500	-	-
4	Cty CP vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomín	-	-	2.063.544.275	-	-
5	Cty CP Công nghiệp Ô tô - Vinacomín	-	-	13.304.759.304	-	-
6	Bệnh viện Than - Khoáng sản	-	-	439.339.000	-	-
7	Công ty TNHH MTV Môi Trường - TKV	-	-	783.640.714	-	-
8	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomín	-	-	161.123.875	-	-
9	Chi nhánh Hà Nội, Công ty CP vật tư -TKV	-	-	19.225.250	-	-
10	Công ty CP chế tạo máy - Vinacomín	-	-	3.605.184.113	-	-
11	Trường cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	57.000.000	-	-
12	Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	-	-	39.024.000	-	-
13	Công ty cổ phần than Đèo Nai - Vinacomín	-	-	21.584.750	-	-
14	Công ty cổ phần kinh doanh Than Cẩm Phả - Vinacomín	-	-	59.842.717	-	-
15	Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	-	-	-	3.422.913.238	-
II	DAI HẠN	-	-	-	-	60.000.000.000
1	Tập đoàn công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	-	-	-	-	50.000.000.000

Quảng Ninh, ngày 10 tháng 06 năm 2017



NGƯỜI LẬP KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Handwritten signature)

ĐINH VĂN CHIẾN

VŨ THỊ HAI

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính